

PHÁT TRIỂN NỀN KINH TẾ TRI THỨC Ở VIỆT NAM

TRẦN HỒNG LƯU *

Từ những thập kỷ 80 của thế kỷ XX đến nay, sự tác động của cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện đại đã làm cho nền kinh tế thế giới có nhiều biến đổi sâu sắc về cơ cấu, chức năng và cả phương thức hoạt động, tạo ra bước ngoặt mới cho sự phát triển kinh tế. Trong khoảng thời gian này, nhiều công trình nghiên cứu của các học giả như J.Schumpeter, R. Solow... đã chỉ ra, cần phải thay đổi lý thuyết của kinh tế học *tân cổ điển*, rằng tri thức là một thành phần của hệ thống kinh tế. Họ coi tri thức là hình thức cơ bản nhất của vốn; sự tăng trưởng kinh tế thực chất là do sự tích lũy tri thức mang lại. Hơn thế, theo họ - *tăng trưởng kinh tế không dựa vào tri thức sẽ không bền vững*. Ở đây, tri thức được hiểu là khoa học và công nghệ.

Từ khi ra đời đến nay, khái niệm này có sự thay đổi nhiều lần về thuật ngữ như kinh tế mạng, kinh tế số, kinh tế học hỏi, kinh tế dựa vào tri thức. Cách gọi kinh tế tri thức được Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) chính thức đưa ra vào năm 1995. Nội dung cơ bản của kinh tế tri thức là: “Sự sản sinh, phổ cập và sử dụng tri thức của con người đóng vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển kinh tế, tạo ra của cải, nâng cao chất lượng cuộc sống”¹. Theo định nghĩa của OECD và APEC (năm 2000), một nền kinh tế trong đó sự sản sinh ra, truyền bá và sử dụng tri thức là động lực chủ yếu của sự tăng trưởng, tạo ra của

* TS. Trường Đại Học Kinh tế Đà Nẵng.

¹ Vũ Hữu Ngoạn chủ biên, (2001): *Tìm hiểu một số khái niệm trong văn kiện Đại hội IX của Đảng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.120.

cải, tạo ra việc làm trong tất cả các ngành kinh tế được gọi là kinh tế tri thức. Như thế, *tri thức thực sự* trở thành yếu tố bên trong của sản xuất và chính nó là cái quyết định lợi thế so sánh của nền kinh tế.

Kinh tế tri thức là trình độ phát triển cao của lực lượng sản xuất mà trong từng sản phẩm cũng như trong tổng sản phẩm quốc dân, lao động cơ bắp giảm, đi và thay thế dần bằng lao động trí óc. Trong nền kinh tế này, các ngành kinh tế mũi nhọn tạo động lực cho mọi thay đổi đều dựa vào những thành tựu mới nhất của tri thức khoa học, công nghệ hiện đại. Đó là các ngành công nghệ cao như công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ nano... và cả những ngành kinh tế truyền thống như công nghiệp, nông nghiệp được ứng dụng tri thức khoa học công nghệ cao. Ở các nước OECD, kinh tế tri thức đóng góp trên 50% GDP.

Dù nền kinh tế tri thức còn nhiều mới mẻ, nhưng người ta cũng đã phác thảo ra những nét cơ bản của nó như sau:

- Động lực quan trọng nhất cho phát triển kinh tế là tri thức, chứ không phải là vốn và lao động, mặc dù vốn và lao động vẫn là yếu tố cần thiết.

- Cơ cấu và phương thức hoạt động kinh tế có nhiều biến đổi sâu sắc, nhanh chóng. Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng gia tăng các ngành kinh tế có giá trị dựa nhiều vào tri thức.

- Đổi mới, sáng tạo và học tập là nhiệm vụ trung tâm của xã hội. Học qua sách vở, học qua thực hành, học suốt đời. Hơn thế nữa, sáng tạo trở thành động lực trực tiếp của sự phát triển, đồng thời quyết định việc tạo ra cái mới có chất lượng cao hơn và có sức cạnh tranh. Trong nền kinh tế đó, người ta “làm việc và kinh doanh với tốc độ của tư duy” (Bill.Gates).

- Sự phát triển của nó có liên quan đến toàn cầu hóa kinh tế và tác động cả tốt lẫn xấu đối với từng quốc gia và toàn thế giới nhờ mạng thông tin mang tính toàn cầu.

- Đó là nền sản xuất được tổ chức rất linh hoạt, uyển chuyển. Nếu trong nền kinh tế công nghiệp sản xuất hàng loạt, thì trong kinh tế tri thức sản xuất linh hoạt theo hướng giảm hàm lượng nguyên liệu.

- Trong kinh tế tri thức, doanh nghiệp là nhân vật trung tâm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Ngoài các sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp có tính vật chất, còn có các sản phẩm tri thức, các bản quyền, phát minh hay bí quyết.

- Sự chuyển dịch lao động theo hướng giảm lao động trực tiếp, tăng số lượng lao động xử lý thông tin, dịch vụ. Lượng công nhân “cổ xanh” ít dần, công nhân “cổ trắng” tăng lên. Lao động tri thức - công nhân “cổ trắng” đóng vai trò cơ bản trong sản xuất.

- Trong nền kinh tế này việc học hỏi, đào tạo liên tục và suốt đời để không ngừng phát triển tri thức, đi đến sáng tạo và làm chủ tri thức, thích nghi nhanh với sự thay đổi và xã hội học tập là nền tảng của kinh tế tri thức¹. Như vậy, trong xã hội hậu công nghiệp hay là nền kinh tế tri thức, tri thức khoa học đóng vai trò then chốt quy định sự vận động và phát triển của xã hội mới.

Nền kinh tế tri thức tạo ra nhiều cơ hội mới, nhưng cũng đặt ra nhiều thách thức với các nước đang phát triển. Cơ cấu lao động thay đổi, người lao động trực tiếp giảm đi, số công nhân tri thức tăng lên do nền kinh tế dựa vào tri thức khoa học và công nghệ tiên tiến, với năng suất, chất lượng, hiệu quả cao. Trong nền kinh tế tri thức, mô hình chỉ huy tập trung được thay bằng mô hình phi tập trung hay mô hình mạng². Là nền kinh tế dựa vào tri thức nên việc học tập suốt đời trở nên phổ biến. Đầu tư vô hình cho con người, giáo dục, khoa học và văn hóa lớn hơn đầu tư hữu hình cho cơ sở vật chất. Phát triển con người trở thành nhiệm vụ trung tâm của xã hội. Sự sáng tạo, đổi mới trở thành động lực cơ bản nhất cho sự phát triển. Công nghệ được đổi mới rất nhanh, vòng đời của công nghệ được rút ngắn. Nếu quốc gia nào không chịu đổi mới và sáng tạo thì sẽ bị tụt hậu trong cuộc cạnh tranh có quy mô toàn cầu này. Cuộc cách mạng tri thức, cách mạng thông tin đang đẩy nhanh kinh tế tri thức phát triển nhanh chóng hơn nữa.

Dự báo trong thế kỷ XXI số lượng công nhân trực tiếp lao động chân tay sẽ giảm đi rất nhiều, vì sản xuất được tự động hóa là phổ biến. Con người sẽ lao động trí óc là chủ yếu với công việc chính là xử lý thông tin, sáng tạo công nghệ mới và học tập nâng cao tri thức. Đó là nền kinh tế mà “Tri thức là tài sản chung của loài người, không thể bị chiếm hữu”. Tri thức khoa học công nghệ sẽ đem lại sự giàu có, hạnh phúc cho cả loài người, nhưng chính nó lại là nguyên nhân gây ra sự phân cực giàu nghèo và bất công xã hội. Chính chủ nghĩa tư bản

¹ Vũ Hữu Ngoạn chủ biên, (2001): *Tìm hiểu một số khái niệm trong văn kiện Đại hội IX của Đảng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.122 và Đặng Mộng Lân (2002), *Kinh tế tri thức những khái niệm và vấn đề cơ bản*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, tr. 9.

² Đặng Hữu (2002): “Phát triển kinh tế tri thức rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa”, *Tạp chí Cộng sản*, số 22, tr.27-28.

đã tạo ra điều kiện cho tri thức khoa học phát triển, nhưng cũng chính nó biến tri thức khoa học thành công cụ áp đặt sự thống trị trên toàn thế giới.

Việt Nam tiến hành công nghiệp hóa trong điều kiện rất phức tạp. Đó là sự tác động đan xen cùng lúc của kinh tế tri thức, toàn cầu hóa và nền kinh tế thị trường. Đây là cơ hội và thách thức với tất cả các nước, chỉ có sự lựa chọn hội nhập kinh tế quốc tế, trong đó vừa hợp tác vừa đấu tranh. Đối với Việt Nam, để tồn tại và phát triển, chúng ta đang phải đối mặt với những thách thức gay gắt, nhưng nếu biết nắm lấy thời cơ, tranh thủ nắm bắt tri thức khoa học và công nghệ mới, những thành quả của kinh tế tri thức chắc chắn sẽ giúp chúng ta có cơ hội rút ngắn khoảng cách với các nước phát triển. Ngày nay, có thể khẳng định rằng, khoảng cách về phát triển giữa các nước chính là tri thức khoa học và công nghệ. Họ đã đề ra các *chiến lược đi tắt vào kinh tế tri thức, chiến lược công nghiệp hóa dựa vào tri thức* hay sử dụng tri thức cho phát triển.

Với Việt Nam, nền kinh tế tri thức là thách thức to lớn, nhưng cũng là cơ hội để nhanh chóng rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Từ xuất phát điểm của một nền kinh tế nông nghiệp nghèo nàn, lạc hậu về khoa học, kỹ thuật, chúng ta thiếu hẳn một cơ sở vật chất kỹ thuật cho nền sản xuất hiện đại. Cho nên, nhiệm vụ trung tâm trong suốt thời kỳ quá độ, được Đảng ta xác định là phát triển lực lượng sản xuất, là công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Để nhanh chóng đi tắt, rút ngắn quá trình này. Đảng ta đã sớm nhận thấy, nhân tố quan trọng để thực hiện chiến lược này là con người với nguồn vốn tri thức khoa học; là phát triển giáo dục đào tạo, nâng cao năng lực khoa học công nghệ, hội nhập kinh tế quốc tế để tranh thủ vốn và công nghệ nước ngoài.

Rõ ràng, chỉ với một nền tảng con người, được trang bị tri thức khoa học đầy đủ chúng ta mới có thể, chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, biến những năng lực khoa học công nghệ từ bên ngoài, chuyển hóa thành những năng lực nội sinh giúp chúng ta tiến nhanh hơn nữa. Kinh tế tri thức là giai đoạn phát triển mới về chất của lực lượng sản xuất, cho thấy những khả năng mới của việc rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam. Chúng ta cần nắm bắt lấy vận hội này, khẩn trương chuẩn bị các điều kiện để phát triển kinh tế tri thức. Do đặc thù của Việt Nam, nền công nghiệp hóa phải thực hiện *đồng thời cả hai nhiệm vụ chuyển nền kinh tế nông nghiệp sang kinh tế công nghiệp và chuyển tiếp từ kinh tế công nghiệp sang kinh tế tri thức*. Vì thế, chúng ta phải phát triển theo hai tốc độ, vừa tuần tự, vừa nhảy vọt. Một mặt, vừa phải phát triển nông nghiệp, nâng cao năng lực sản xuất các ngành công nghiệp cơ

bản, giải quyết những như cầu bức xúc của nhân dân, tạo ra việc làm, gắn với xóa đói giảm nghèo. Mặt khác, điều quyết định nhất cho chiến lược rút ngắn công nghiệp hóa ở nước ta là nhanh chóng và kiên quyết đi vào những ngành kinh tế dựa vào tri thức và công nghệ cao, nhất là công nghệ thông tin, công nghệ sinh học... để hiện đại hóa hóa, tạo đà nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Với việc ưu tiên những ngành công nghệ cao, cho phép tạo ra những ngành nghề và việc làm mới, với tốc độ tăng trưởng cao, góp phần chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Thực tiễn cho thấy, con người Việt Nam có thể nắm bắt rất nhanh và làm chủ các công nghệ mới. Để có thể rút ngắn tiến trình công nghiệp hóa, Việt Nam cần thiết phải tăng cường: "... năng lực nội sinh về khoa học và công nghệ đủ khả năng ứng dụng các công nghệ hiện đại, tiếp cận trình độ thế giới và tự phát triển trên một số lĩnh vực, nhất là công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ tự động hóa" ¹. "Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước phải bảo đảm xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ". Muốn vậy, Đảng ta chủ trương: "Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, kết hợp nội lực với ngoại lực thành nguồn lực tổng hợp để phát triển đất nước" ². Việc sử dụng tri thức khoa học và công nghệ, vốn từ bên ngoài một cách hợp lý sẽ cho phép đất nước ta phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa một cách bền vững. Đảng ta đã khẳng định: "Phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ nguồn lực bên ngoài và chủ động hội nhập kinh tế để phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững" ³.

Bằng việc tận dụng kinh nghiệm, tri thức khoa học và công nghệ, thành quả của các quốc gia đi trước, Việt Nam phát triển kinh tế thị trường "định hướng xã hội chủ nghĩa", khẳng định vai trò quản lý, điều tiết của Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế vì mục tiêu con người, tạo điều kiện cho mọi thành phần kinh tế phát huy khả năng của mình trong sản xuất, kích thích lợi ích, góp phần cho sự phát triển nói chung. Công nghiệp hóa rút ngắn với sự tác động như đã nói ở trên là chưa có tiền lệ trong lịch sử, nên sẽ có nhiều khó khăn, phức tạp. Chính vì vậy cần phải có bước đi thích hợp, vừa tuần tự, vừa nhảy vọt. Điều này hoàn toàn phù hợp với *chiến lược*

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2001): *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 160-161.

² Đảng Cộng sản Việt Nam (2001): *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 91-92.

³ Đảng Cộng sản Việt Nam (2001): *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 89.

phát triển kinh tế - xã hội mà Đảng ta đã đề ra. Phát huy những lợi thế của đất nước, tận dụng mọi khả năng để đạt trình độ công nghệ tiên tiến, đặc biệt là công nghệ thông tin và công nghệ sinh học, tranh thủ ứng dụng ngày càng nhiều hơn, ở mức độ cao hơn và phổ biến hơn những thành tựu mới về khoa học và công nghệ, từng bước phát triển kinh tế tri thức. Phát huy nguồn lực trí tuệ và sức mạnh tinh thần của người Việt Nam; coi phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là nền tảng và động lực của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ¹.

Như vậy, thực chất của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là là sự vận dụng thành công các tri thức khoa học và công nghệ mới vào nền kinh tế quốc dân. Là nước đi sau về kinh tế, muốn công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tất yếu chúng ta phải “đi tắt, đón đầu”, mới có thể mau chóng rút ngắn khoảng cách và tiến tới đuổi kịp các nước phát triển bằng cách *đi nhanh vào kinh tế tri thức*.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2001): *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 91.